

Ngày soạn: 15/10/2025

Tiết PPCT: 17

BÀI ÔN TẬP GIỮA KỲ 1

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

1. Về mục tiêu:

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình

- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

- Rèn luyện được kỹ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác,

- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình.

2. Năng lực cần hướng tới :

- Năng lực chung:

+ *Tự chủ và tự học*: bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra

+ *Giao tiếp và hợp tác* trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ *Giải quyết vấn đề* và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

3. Phẩm chất:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường

Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường

Bài 3: Lạm phát

Bài 4: Thất nghiệp

Bài 5: Thị trường lao động và việc làm

III. HÌNH THỨC ÔN TẬP:

1. Củng cố kiến thức cơ bản

- Giáo viên củng cố lại các kiến thức cơ bản của từng bài dưới dạng sơ đồ tư duy

- Khắc sâu những kiến thức cần nhớ để ôn tập và kiểm tra

2. Luyện tập một số dạng câu hỏi ôn tập

- Câu hỏi trắc nghiệm

- Câu hỏi tình huống

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhớ lại những kiến thức cơ bản đã học trong nửa đầu học kỳ 1

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Em hãy nhắc lại những kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài số 5

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Luật chơi:

- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng những đơn vị kiến thức mà mình đã được học

- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm
- Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Báo cáo và thảo luận

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày
- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, về mặt nhận thức của học sinh đối với các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư duy củng cố lại các đơn vị kiến thức đã học

a. Mục tiêu:

- HS củng cố lại được các đơn vị kiến thức đã học trong các bài 1 đến bài 5

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm sẽ tiến hành vẽ sơ đồ tư duy cho 1 bài
- Học sinh làm việc theo nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được những đơn vị kiến thức cơ bản của từng bài để củng cố bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm

Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường

Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường

Bài 3: Lạm phát

Bài 4: Thất nghiệp

Bài 5: Thị trường lao động và việc làm

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, các nhóm trình bày ra tờ giấy A0 để chuẩn bị trình bày vào tiết sau

- Khuyến khích các cách trình bày sáng tạo và độc đáo

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình.
- Giáo viên đánh giá kết quả của từng nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Giới thiệu một số sơ đồ tư duy để tham khảo

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Luyện tập câu hỏi trắc nghiệm và tình huống

a. Mục tiêu:

- HS biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập cụ thể
- Giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn

b. Nội dung:

- GV cho học sinh làm việc cá nhân, các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh trả lời được câu hỏi, biết vận dụng các kiến thức để có thể giải quyết các tình huống trong thực tiễn

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một số bài tập dưới đây

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc câu hỏi, ghi kết quả làm bài vào vở
- Trao đổi thảo luận với các bạn xung quang về kết quả làm bài của mình

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu các học sinh trả lời kết quả làm bài của mình.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

3. Hoạt động 3: Định hướng làm bài kiểm tra định kỳ

a. Mục tiêu bài kiểm tra: Học sinh bước đầu hình dung được yêu cầu, mục đích, nhiệm vụ của bài kiểm tra định kỳ. Có kế hoạch ôn tập để làm bài kiểm tra hiệu quả

b. Nội dung kiểm tra

- Phổ biến nội dung kiểm tra: Nội dung từ bài 1 đến bài 5
- Hình thức kiểm tra 70% TN và 30 % TL
- Thời gian kiểm tra: 45 phút
- Biểu điểm và các quy định đối với bài kiểm tra TN kết hợp với tự luận.

c. Giới hạn kiểm tra:

Kiến thức cơ bản

Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường

Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường

Bài 3: Lạm phát

Bài 4: Thất nghiệp

Bài 5: Thị trường lao động và việc làm

NỘI DUNG CÂU HỎI THAM KHẢO

Câu 1: Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm

- A.** lợi tức. **B.** tranh giành. **C.** cạnh tranh. **D.** đấu tranh.

Câu 3: Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

- A.** ganh đua. **B.** thỏa hiệp. **C.** thỏa mãn. **D.** ký kết.

Câu 4: Trong nền kinh tế hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

- A.** đầu cơ tích trữ nâng giá. **B.** hủy hoại môi trường.
C. khai thác cạn kiệt tài nguyên. **D.** giành nguồn nguyên liệu thuận lợi.

Câu 5: Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là do có sự khác nhau về

- A. điều kiện sản xuất.
- B. giá trị thặng dư.
- C. nguồn gốc nhân thân.
- D. quan hệ tài sản.

Câu 6: Trong nền kinh tế thị trường, một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là do có sự khác nhau về

- A. quan hệ gia đình.
- B. chính sách đối ngoại.
- C. chất lượng sản phẩm.
- D. chính sách hậu kiểm.

Câu 7: Câu tục ngữ “Thương trường như chiến trường” phản ánh quy luật kinh tế nào dưới đây?

- A. Quy luật cung cầu
- B. Quy luật giá trị
- C. Quy luật lưu thông tiền tệ
- D. Quy luật cạnh tranh

Câu 8: Do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh là một trong những

- A. nguyên nhân của sự giàu nghèo.
- B. nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.
- C. nguyên nhân của sự ra đời hàng hóa.
- D. tính chất của cạnh tranh.

Câu 9: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mặt tích cực của cạnh tranh?

- A. Khuyến mãi để thu hút khách hàng.
- B. Áp dụng khoa học tiên tiến.
- C. Khai thác tối đa mọi nguồn lực.
- D. Chạy theo lợi nhuận làm hàng giả.

Câu 10: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mặt tích cực của cạnh tranh?

- A. Nâng cao chất lượng cuộc sống
- B. Tìm kiếm các hợp đồng có lợi
- C. Thu lợi nhuận cho người kinh doanh.
- D. Tung tin bịa đặt về đối thủ.

Câu 11: Hành vi nào sau đây là biểu hiện của sự cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Khai thác tối đa mọi nguồn lực.
- B. Làm cho môi trường bị suy thoái.
- C. Kích thích sức sản xuất.
- D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 12: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cạnh tranh không lành mạnh **không** thể hiện ở việc các chủ thể kinh tế

- A. lạm dụng chất cấm.
- B. thu hẹp sản xuất.
- C. gây rối thị trường.
- D. đầu cơ tích trữ.

Câu 13: Trường hợp nào sau đây được gọi là cung?

- A. Công ty A xây dựng nhà máy sản xuất hàng hóa.
- B. Anh A khảo sát nhu cầu thị trường để sản xuất hàng hóa.
- C. Công ty A ngày mai sẽ sản xuất thêm 1 triệu sản phẩm.
- D. Công ty B thảo kế hoạch sản xuất 1 triệu sản phẩm.

Câu 14: Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. cung.
- B. cầu.
- C. lạm phát.
- D. thất nghiệp.

Câu 15: Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến cung là

- A. giá cả của hàng hóa đó.
- B. nguồn gốc của hàng hóa.
- C. chất lượng của hàng hóa.
- D. vị thế của hàng hóa đó.

Câu 16: Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Giá cả của hàng hóa đó.
- B. Thu nhập của người tiêu dùng.
- C. Nguồn gốc xuất thân doanh nghiệp.
- D. Giá cả của các hàng hóa cùng loại.

Câu 17: Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên sẽ làm cho cầu về hàng hóa tăng lên từ đó thúc đẩy cung về hàng hóa

- A. giảm xuống. B. tăng lên. C. giữ nguyên. D. không đổi.

Câu 18: Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kỹ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

- A. Cung giảm xuống. B. Cung tăng lên.
C. Cung không đổi. D. Cung bằng cầu.

Câu 19: Trong nền kinh tế thị trường, nếu nhà nước có chính sách giảm thuế đối với một mặt hàng nào đó thì sẽ làm cho cung hàng hóa về mặt hàng đó có xu hướng

- A. tăng. B. giảm. C. giữ nguyên. D. không đổi.

Câu 20: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi trên thị trường giá cả giảm thì xảy ra trường hợp nào sau đây?

- A. Cung tăng, cầu giảm. B. Cung giảm, cầu tăng.
C. Cung và cầu giảm. D. Cung và cầu tăng.

Câu 21: Thông thường, trên thị trường, khi cầu tăng lên, sản xuất, kinh doanh mở rộng, lượng cung hàng hóa sẽ

- A. tăng lên. B. giảm. C. không tăng. D. ổn định.

Câu 22: Vào mùa lũ, rau của nhiều nhà vườn hồng bị úng ngập dẫn đến giá rau tăng cao. Nếu là người bán rau, em sẽ làm gì để có lợi nhất?

- A. Không bán nữa B. Giữ giá C. Tăng giá D. Giảm giá

Câu 23: Qua mùa trung thu, nhu cầu về bánh trung thu của người tiêu dùng giảm xuống nên nhà sản xuất đã thu hẹp quy mô sản xuất bánh trung thu để chuyển sang sản xuất sản phẩm khác. Nhà sản xuất làm như vậy để

- A. thu hút thị hiếu người tiêu dùng. B. thu nhiều lợi nhuận.
C. cạnh tranh với các mặt hàng khác D. tránh bị thua lỗ.

Câu 24: Gia đình H có 1 ha trồng rau sạch cung cấp cho thị trường, hiện nay giá của các loại rau sạch đều tăng. Bố H quyết định mở rộng diện tích trồng, mẹ H thì muốn giữ nguyên quy mô sản xuất, chị H thì lại khuyên thu hẹp diện tích gieo trồng. Xét về mối quan hệ cung cầu thì làm theo ý kiến của ai để gia đình H có thêm lợi nhuận?

- A. Chị H B. Mẹ H C. Mẹ H và chị H D. Bố H

Câu 25: Mùa hè đến, lượng tiêu thụ điện tăng mạnh nên hay bị cúp điện. Do đó, nhu cầu mua bóng đèn tích điện của người dân tăng lên, dẫn đến nhà sản xuất mở rộng lượng cung đèn tích điện trên thị trường. Xét về quan hệ cung cầu thì nhà sản xuất đã vận dụng nội dung nào dưới đây?

- A. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu.
B. Cung - cầu ảnh hưởng tới giá cả thị trường.
C. Cung - cầu triệt tiêu lẫn nhau.
D. Cung - cầu tác động lẫn nhau.

Câu 26: Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

- A. lạm phát. B. tiền tệ. C. cung cầu. D. thị trường.

Câu 27: Trong nền kinh tế, dấu hiệu cơ bản để nhận biết nền kinh tế đó đang ở trong thời kỳ lạm phát đó là sự

- A. tăng giá hàng hóa, dịch vụ. B. giảm giá hàng hóa, dịch vụ.
C. gia tăng nguồn cung hàng hóa. D. suy giảm nguồn cung hàng hóa.

Câu 28: Nếu như khi nền kinh tế ở trạng thái lạm phát phi mã sẽ làm cho đồng tiền mất giá nhanh chóng thì ở trạng thái siêu lạm phát đồng tiền sẽ mất giá

- A. ngghiêm trọng. B. vừa phải. C. hoàn toàn. D. tuyệt đối.

Câu 29: Trong nền kinh tế, nếu lạm phát càng tăng lên thì giá trị đồng tiền sẽ

- A. tăng theo. B. giảm xuống. C. không đổi. D. sinh lời.

Câu 30: Nội dung nào dưới đây **không** phải là nguyên nhân dẫn đến lạm phát?

- A. Giá cả hàng hóa tăng lên.
- B. Chi phí sản xuất tăng lên.
- C. Cầu có xu hướng tăng lên.
- D. Thu nhập người dân tăng.

Câu 31: Lạm phát được phân chia thành những loại nào dưới đây?

- A. Lạm phát vừa phải, lạm phát phi mã, siêu lạm phát.
- B. Lạm phát thấp, lạm phát trung bình, lạm phát cao.
- C. Lạm phát ngắn hạn, lạm phát trung hạn, lạm phát dài hạn.
- D. Lạm phát bình thường, lạm phát kinh niên, lạm phát nghiêm trọng.

Câu 32: Thông qua việc tăng lãi suất sẽ góp phần thúc đẩy người dân đẩy mạnh gửi tiết kiệm để từ đó giảm cung tiền trong lưu thông nhằm kiềm chế

- A. lạm phát.
- B. sản xuất.
- C. lưu thông.
- D. phân phối.

Câu 33: Một trong những biện pháp để góp phần kiểm soát và kiềm chế lạm phát là nhà nước

- A. đẩy mạnh chi tiêu công.
- B. cắt giảm chi tiêu công.
- C. giảm mạnh lãi suất.
- D. tăng mạnh cung tiền.

Câu 34: Trong nền kinh tế, căn cứ vào tính chất của thất nghiệp thì thất nghiệp được chia thành thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp

- A. tự giác.
- B. quyền lực.
- C. không tự nguyện.
- D. luôn bắt buộc.

Câu 35: Việc phân chia các loại hình thất nghiệp thành thất nghiệp tạm thời, thất nghiệp cơ cấu, thất nghiệp chu kỳ là căn cứ vào

- A. tính chất của thất nghiệp.
- B. nguồn gốc thất nghiệp.
- C. chu kỳ thất nghiệp.
- D. nguyên nhân của thất nghiệp.

Câu 36: Loại hình thất nghiệp được phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống được gọi là

- A. thất nghiệp cơ cấu.
- B. thất nghiệp tạm thời.
- C. thất nghiệp chu kỳ.
- D. thất nghiệp tự nguyện.

Câu 37: Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

- A. thất nghiệp cơ cấu.
- B. thất nghiệp tạm thời.
- C. thất nghiệp tự nguyện.
- D. thất nghiệp chu kỳ.

Câu 38: Về mặt xã hội, khi thất nghiệp tăng cao sẽ lãng phí

- A. tài nguyên thiên nhiên.
- B. nguồn lực sản xuất.
- C. ngân sách nhà nước.
- D. tín dụng thương mại.

Câu 39: Đối với nguồn thu ngân sách nhà nước, khi thất nghiệp tăng cao sẽ làm cho thu ngân sách nhà nước có xu hướng

- A. giảm.
- B. tăng.
- C. không đổi.
- D. ổn định.

Câu 40: Là sự thỏa thuận giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động về tiền công, tiền lương và các điều kiện làm việc khác là nội dung của khái niệm

- A. thị trường lao động.
- B. thị trường tài chính.
- C. thị trường tiền tệ.
- D. thị trường công nghệ

Câu 41: Khi tham gia vào thị trường lao động, việc ký kết hợp đồng mua bán sức lao động giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động được thực hiện theo nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Bình đẳng.
- B. Quyền uy.
- C. Phục tùng.
- D. Cưỡng chế.

Câu 42: Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động thì khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

- A. Thất nghiệp.
- B. Thiếu lao động.
- C. Thiếu việc làm.
- D. Lạm phát.